

**NOSTALGIA AND IDENTITY OF THE  
VIETNAMESE DIASPORIC  
COMMUNITY IN VIET THANH  
NGUYEN'S WORKS**

Nguyen Hong Anh

*Faculty of Linguistics and Literature, Ho Chi  
Minh City University of Education,  
Ho Chi Minh City, Vietnam*

Corresponding author Nguyen Hong Anh,  
e-mail: [anhnh@hcmue.edu.vn](mailto:anhnh@hcmue.edu.vn)

Received December 6, 2023.

Revised January 8, 2024.

Accepted February 2, 2024.

**Abstract.** Based on Svetlana Boym's theory of nostalgia, the paper analyzes Viet Thanh Nguyen's works in two aspects: restorative nostalgia and reflective nostalgia, to clarify the identity of the Vietnamese American diasporic community. With two novels *The Sympathizer*, *The Committed*, and a collection of short stories *The Refugees*, the writer has quite successfully portrayed the nationalist identity and traumatic identity of immigrants in both positive and negative aspects, showcasing the writer's sympathetic and critical attitude. The writer criticizes the extremism of a segment of immigrants who want to turn ethnicity into a tool for political goals, and at the same time sympathizes with the pain of most immigrants who have lost loved ones. These two contents are placed on the historical background of the Vietnam War in the flashbacks of the characters. From the research results, the paper contributes to introducing a new way of perceiving Viet Thanh Nguyen, an immigrant writer who is receiving international attention, and at the same time proposes a way to research identity in general and identity of the Vietnamese diasporic community in particular, through the nostalgic perspective of memory.

**Keywords:** nostalgia, identity, diasporic literature, Viet Thanh Nguyen.

**HOÀI NIỆM VÀ CĂN TÍNH  
CỦA CỘNG ĐỒNG DI DÂN VIỆT NAM  
TRONG TÁC PHẨM  
CỦA VIET THANH NGUYEN**

Nguyễn Hồng Anh

*Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm  
Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Nguyễn Hồng Anh,  
e-mail: [anhnh@hcmue.edu.vn](mailto:anhnh@hcmue.edu.vn)

Ngày nhận bài: 6/12/2023.

Ngày sửa bài: 8/1/2024.

Ngày nhận đăng: 2/2/2024.

**Tóm tắt.** Dựa vào lý thuyết hoài niệm của Svetlana Boym, bài viết phân tích một số tác phẩm của nhà văn Viet Thanh Nguyen ở hai khía cạnh: hoài niệm khôi phục và hoài niệm phản chiếu, nhằm mục đích nhận diện căn tính của cộng đồng di dân Mỹ gốc Việt. Với hai tiểu thuyết *The Sympathizer*, *The Committed* và một tập truyện ngắn *Người tị nạn*, nhà văn đã khắc họa khá thành công căn tính dân tộc chủ nghĩa và căn tính chấn thương của lớp người di dân – ở cả mặt tích cực và tiêu cực – với thái độ đồng cảm lẫn phê phán của nhà văn. Nhà văn phê phán tính cực đoan của một bộ phận di dân muốn biến tính dân tộc thành công cụ cho những mục tiêu chính trị, đồng thời đồng cảm với nỗi đau của hầu hết những người di dân bị mất người thân, với những gia đình bị chia cắt dẫn đến xung đột thế hệ. Những nội dung này được đặt trên cái nền lịch sử là cuộc chiến tranh Việt Nam trong hồi tưởng của các nhân vật. Từ những kết quả nghiên cứu, bài viết góp phần giới thiệu cách tiếp nhận mới về Viet Thanh Nguyen, nhà văn di dân đang được thế giới quan tâm, đồng thời đề ra một cách thức nghiên cứu căn tính nói chung và căn tính của cộng đồng di dân nói riêng, qua góc nhìn kí ức: hoài niệm.

**Từ khóa:** hoài niệm, căn tính, văn học di dân, Viet Thanh Nguyen.

## 1. Mở đầu

Viet Thanh Nguyen là một trong những nhà văn Mỹ gốc Việt đương đại nổi tiếng nhất hiện nay với giải thưởng Pulitzer 2016 trao cho tiểu thuyết *The Sympathizer*. Tác phẩm của ông được thế giới ghi nhận như tiếng nói mới của một nhà văn di dân thuộc thế hệ 1.5 (rời khỏi quê nhà khi còn nhỏ và trưởng thành tại Mỹ), viết về đề tài chiến tranh và hậu chiến. Nhiều học giả quốc tế đã sử dụng tập truyện ngắn *The Refugees* (bản dịch tiếng Việt là *Người tị nạn*) cùng hai tiểu thuyết *The Sympathizer* và *The Committed* của Viet Thanh Nguyen làm đối tượng nghiên cứu về căn tính cộng đồng di dân Việt gắn với đề tài chiến tranh Việt Nam. Có thể kể tên các công trình tiêu biểu như: *Remembering One Another's Inhumanity: On Viet Thanh Nguyen's Vietnam War* (Ghi nhớ tính phi nhân về nhau: Về Chiến tranh Việt Nam của Viet Thanh Nguyen) của Judy Tzu-Chun Wu [1], *Between "I" and "We": Viet Thanh Nguyen's Interethnic Multitudes* (Giữa "Tôi" và "Chúng tôi": Những đa dạng liên sắc tộc của Viet Thanh Nguyen) của Caroline Rody [2], *Un-American: Refugees and the Vietnam War* (Không phải người Mỹ: Người tị nạn và chiến tranh Việt Nam) của Yogita Goyal [3], *Paternity, History, and Misrepresentation in Viet Thanh Nguyen's The Sympathizer* (Quyền phụ tử, lịch sử và sự xuyên tạc trong *The Sympathizer* của Viet Thanh Nguyen) của Debra Shostak [4], *No-NoMan: Viet Thanh Nguyen's Nihilist Masterpiece* (No-NoMan: Kiệt tác hư vô của Viet Thanh Nguyen) của Roy Scranton [5], *De-Americanizing Viet Nam: The Representation of the "Vietnam War" in Viet Thanh Nguyen's The Sympathizer* (Phi Mỹ hóa Việt Nam: Đại diện cho "Chiến tranh Việt Nam" trong *The Sympathizer* của Viet Thanh Nguyen) của Sousa e Silva Gaspar [6] v.v. Những công trình này đã chỉ ra: xây dựng căn tính của cộng đồng di dân là cách nhà văn làm nổi bật cuộc chiến tranh Mỹ đã gây ra ở Việt Nam và những hệ quả của nó.

Nội dung này được làm rõ hơn từ phương diện kí ức, một trong những thuộc tính quan trọng nhất hình thành căn tính của một cộng đồng. Theo nhận định của Maurice Halbwachs, mỗi cá nhân đều lưu giữ chung kí ức cộng đồng, nghĩa là tuy không có kí ức nào trùng nhau, nhưng kí ức người này bổ khuyết, điều chỉnh kí ức người kia [7; 47] để tạo thành câu chuyện lịch sử chung. Và cũng vì như thế nên kí ức không chỉ lưu trữ mà còn kiến tạo căn tính cộng đồng, nếu các thành viên có một thoả thuận chung trong việc kể lại kí ức. "Chúng ta là những câu chuyện chúng ta kể về mình" [8; 268]. Ví dụ, Thơ Mới kể câu chuyện của những cái tôi tự do và cô đơn, tạo thành căn tính của một lớp người trẻ tuổi giao thời 1932-1945, trong khi văn học cách mạng Việt Nam đã góp phần định hình căn tính anh hùng của dân tộc, v.v. Việc ứng xử với căn tính cộng đồng như thế nào, do đó, sẽ được thể hiện qua cách chúng ta, hay người khác, kể về chúng ta như thế nào. Đi theo hướng nghiên cứu căn tính cộng đồng qua kí ức trong tác phẩm Viet Thanh Nguyen có một số công trình như: *Nguyen's Ghosts in The Sympathizer: Collapsing Binaries and Signalling Just Memory* (Những bóng ma của Nguyen trong *The Sympathizer*: Sụp đổ các nhị phân và báo hiệu kí ức công chính) của Sean James Bosman [9], *A Sanctuary of Memory in Viet Thanh Nguyen's "Black-Eyed Women"* (Thánh địa của kí ức trong "Những người đàn bà mắt đen" của Viet Thanh Nguyen) của hai tác giả S. J. Kala và A. J. Bernita [10], v.v...

Bài viết của chúng tôi cũng theo hướng nghiên cứu kí ức, nhưng phân tích cụ thể vào kiểu kí ức "hoài niệm" (nostalgia), căn cứ vào chính tư tưởng của Viet Thanh Nguyen trình bày trong bài báo *Refugee Memories and Asian American Critique* (Kí ức người tị nạn và phê bình Mỹ Á): Viet Thanh Nguyen gọi tên kí ức đặc trưng của di dân Việt Nam tại Mỹ là "hoài niệm", dựa theo quan điểm của Svetlana Boym [11; 911]. Theo đó, Svetlana Boym đề xuất hai kiểu hoài niệm: "hoài niệm khôi phục" (restorative nostalgia) và "hoài niệm phản chiếu" (reflective nostalgia). Xây dựng các nhân vật và biểu tượng đặc trưng cho mỗi kiểu hoài niệm trên là cách Viet Thanh Nguyen chứng minh sự đa dạng căn tính của cộng đồng. Đây cũng là điểm mới trong bài viết của chúng tôi so với những công trình nghiên cứu căn tính qua sáng tác của nhà văn: từ việc chuyên biệt hoá kí ức, là hoài niệm, bài viết làm sáng rõ quan điểm của nhà văn về căn tính di dân, góp thêm vào những khía cạnh khai thác căn tính khác. Đối với nghiên cứu trong nước, bài viết này cũng góp

thêm vào nguồn tài liệu tham khảo về nghiên cứu văn học di dân nói chung và Viet Thanh Nguyen nói riêng khi hiện nay, vấn đề tiếp cận Viet Thanh Nguyen vẫn còn hạn chế, do hầu hết sáng tác của ông chưa được dịch ra tiếng Việt, trừ tập truyện ngắn *Người tị nạn* và tập tiểu luận nhiều tác giả *Kẻ ly hương* do ông làm chủ biên.

## 2. Nội dung nghiên cứu

Căn tính là một khái niệm khá phức tạp và mang tính liên ngành. Thử nhìn qua một số định nghĩa về căn tính sau: Định nghĩa của Erik H. Erikson – nhà phân tâm học nổi tiếng với lí thuyết về phát triển tâm lí con người – trong *Childhood and Society* (Tuổi thơ và xã hội): “Sự hình thành căn tính [...] do bởi sự chối bỏ có chọn lọc và sự đồng hóa lẫn nhau của những nhận diện thời thơ ấu và sự hấp thụ của chúng vào một cấu hình mới, do đó, phụ thuộc vào quá trình mà một xã hội (thường thông qua các tiêu xã hội) nhận diện một người trẻ, công nhận anh ta là một người phải trở thành con người như hiện tại của mình” [12; 159]. Định nghĩa của Peter J. Burke và Jan E. Stets – những lí thuyết gia về căn tính dưới góc độ tâm lí học xã hội – trong *Identity Theory* (Lí thuyết căn tính): “Căn tính là tập hợp các ý nghĩa xác định một người là ai khi người đó giữ một vai trò cụ thể trong xã hội, thành viên của một nhóm cụ thể, hoặc khẳng định những đặc điểm cụ thể nhận diện anh ấy hay cô ấy là một cá thể độc nhất” [13; 3]. Định nghĩa của Michael Bamberg – nhà nghiên cứu về tự sự – trong “Identity and Narration” (Căn tính và tự sự): “Căn tính biểu thị nỗ lực khu biệt và tích hợp ý nghĩa của bản thân theo các chiều kích xã hội và cá nhân khác nhau về giới tính, tuổi tác, chủng tộc, nghề nghiệp, băng nhóm, tình trạng kinh tế xã hội, dân tộc, giai cấp, quốc gia hoặc lãnh thổ khu vực” [14; 132]. Kế thừa từ những quan điểm thuộc các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau, chúng tôi rút ra định nghĩa chung về căn tính: (1) Căn tính là đặc điểm khu biệt của chủ thể với những đối tượng khác, sao cho chủ thể đó là độc nhất; (2) Căn tính không bất biến mà phát triển, thay đổi theo thời gian, từ thời thơ ấu đến khi cá nhân đảm nhiệm những vị trí trong xã hội; (3) Căn tính vừa là vấn đề của sự tự nhận thức của chủ thể vừa ít nhiều chịu chi phối từ bối cảnh bên ngoài.

Những đặc tính này cũng phù hợp để hiểu về căn tính cộng đồng/ dân tộc. Theo Snow và Corrigan-Brown: “Căn tính được kiến tạo không phải là một tấm vải nguyên được tạo ra mà nó thường được đan lại với nhau bằng những sợi chỉ của chất liệu và truyền thống văn hoá quá khứ và hiện tại, của sự sắp xếp cấu trúc và thậm chí của các thuộc tính nguyên thủy. Những chất liệu và thuộc tính này tạo nên những thứ mà từ đó, căn tính cộng đồng – đặc biệt là căn tính dân tộc, tôn giáo và quốc gia – được hình thành [15; 177]. “Chất liệu và thuộc tính” đó có thể hữu hình như: ẩm thực, trang phục, không gian lãnh thổ, v.v. hay vô hình như: kí ức, ngôn ngữ, v.v. Trong phạm vi bài báo, chúng tôi chỉ đề cập đến một thuộc tính là kí ức, trong một cộng đồng đặc thù là di dân.

Với cộng đồng di dân, hoài niệm có lẽ là loại kí ức quan trọng nhất, do hoàn cảnh đặc thù phải xa lìa quê hương bản quán. Svetlana Boym là học giả đi đầu trong việc nghiên cứu về hoài niệm với cuốn *The Future of Nostalgia* (2001). Bà lí giải: “Nostalgia (*nostos* nghĩa là trở về nhà và *algia* nghĩa là khao khát) là nỗi khao khát về một ngôi nhà không còn tồn tại hoặc chưa bao giờ tồn tại” [16; xiii]. “Nhà” gắn với kí ức di dân, và quan niệm lẫn thái độ đối với hoài niệm về “nhà” làm nên căn tính của cộng đồng này. Chẳng hạn, theo Boym, một mặt, “nhà” thuộc về kí ức cộng đồng nên hoài niệm “nhà” khiến ta thuộc về cộng đồng đó; nhưng mặt khác: “vào thời điểm chúng ta cố gắng [...] thuộc về, nỗi lo sợ về sự mất mát khi khám phá lại căn tính, chúng ta thường chia rẽ và chầm dứt sự hiểu biết lẫn nhau. *Algia* – khao khát – là những gì chúng ta chia sẻ cùng nhau, nhưng *nostos* – trở về nhà – là điều chia rẽ chúng ta” [16; xv-xvi]. Nghĩa là trong kí ức chung đó, cá nhân tái khám phá căn tính của mình dựa trên những kí ức riêng, dẫn đến việc hoà nhập trở thành chia rẽ, vì có thể với người này “nhà” là nơi để trở về, nhưng với người khác, “nhà” là nỗi nhớ nhưng không thể/ không muốn trở về. Ngoài ra, Boym cũng cho biết, hoài niệm còn tác động đến sự hình thành căn tính ở tương lai, vì nhớ về quá khứ không chỉ là nhớ về những

gì đã xảy ra, mà còn là nhớ về những giấc mơ chưa thực hiện được, từ đó ta đem những khả năng chưa được thực thi đó vào tương lai [16; xv-xvi]. Những giấc mơ đó là “ngôi nhà chưa bao giờ tồn tại”, hay diễn đạt cách khác là tồn tại bằng trí tưởng tượng, mà Boym nhắc đến ở trên.

Từ phương pháp phân tích hoài niệm của Svetlana Boym, chúng tôi soi chiếu vào các sáng tác của Viet Thanh Nguyen, gồm hai tiểu thuyết *The Sympathizer*, *The Committed*, truyện ngắn *War Years* và tập truyện ngắn *Người tị nạn*. Với các tác phẩm chưa được dịch ra tiếng Việt, chúng tôi tự dịch trích dẫn từ nguyên bản tiếng Anh và để nguyên tên tác phẩm gốc; các trích dẫn khác trong tập *Người tị nạn* đã dịch và xuất bản ở Việt Nam, chúng tôi sử dụng bản tiếng Việt.

## 2.1. Hoài niệm khôi phục: căn tính dân tộc chủ nghĩa

Theo Svetlana Boym, “hoài niệm khôi phục nhấn mạnh vào *nóstos* (nhà) và cố gắng tái tạo xuyên lịch sử về ngôi nhà đã mất [...] Hoài niệm khôi phục không coi mình là hoài niệm, mà là sự thật và truyền thống” [16; xviii]. Nên kiểu hoài niệm này thường đi cùng với tinh thần dân tộc, phát triển thành tính dân tộc chủ nghĩa, với ba biểu hiện điển hình trong các tác phẩm của Viet Thanh Nguyen.

Thứ nhất, chủ nghĩa dân tộc hiện diện trong cộng đồng di dân thông qua các biểu tượng văn hoá: Như khi nhân vật “tôi” (*The Sympathizer*) ăn món phở do vợ ông Tướng (the General – nhiều nhân vật trong *The Sympathizer* và *The Committed* không có tên riêng, thường được tác giả gọi bằng biệt danh xuất phát từ một đặc điểm nào đó về cấp bậc, công việc, ngoại hình, sở thích) nấu trên đất Mỹ, đã cảm thấy trở lại hơi ẩm căn bếp của mẹ mình năm xưa [17; 135]. Thêm vào đó, biểu tượng văn hoá còn là dấu vết giúp phân biệt dân tộc này và dân tộc kia, như cách “tôi” nghĩ về nước mắm: “Chúng ta sử dụng nước mắm [...] để thiết lập một vành đai với những người phương Tây vốn không bao giờ hiểu được rằng thứ tanh tươi thực sự là mùi hôi thối khó chịu của phó mát” (We used fish sauce [...] to establish a perimeter with those Westerners who could never understand that what was truly fishy was the nauseating stench of cheese) [17; 70]. “Thiết lập một vành đai” với tư duy lưỡng phân: bên trong này là những đồng bào mình cùng ưa thích nước mắm, còn bên ngoài kia là những “người khác” xem nước mắm là tanh tươi, là một biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc, giúp nhận diện các thành viên của cộng đồng, dù họ sống ở những nơi khác nhau, địa vị, hoàn cảnh khác nhau.

Một biểu tượng khác cũng thuộc nội dung này là những chương trình văn hoá nghệ thuật do cộng đồng người Việt tổ chức: *Fantasia* trình diễn từ Mỹ (trong *The Sympathizer*) qua Pháp (trong *The Committed*) là một kiểu đại nhạc hội mang tính gợi nhắc kí ức, qua những bài hát phổ biến ở Sài Gòn trước đây được hát lại. Tương tự là lễ hội văn hoá Tết dành cho cộng đồng người Việt tại Pháp, do The Union for the Advancement of Vietnamese Culture (Liên hiệp vì sự Tiến bộ của Văn hoá Việt Nam) tổ chức, trong *The Committed* – một sân khấu văn nghệ diễn những tiết mục gắn với truyền thống, phong tục Việt Nam. Nhưng không chỉ gợi nhắc, nói như nhân vật nhà thơ, người dẫn chương trình *Fantasia*: “mặc cho tôi mặc quần áo gì hay ăn thức ăn gì và nói ngôn ngữ nào, trái tim tôi vẫn không thay đổi. Đó là lí do chúng ta tụ hội ở đây đêm nay, thưa quý vị. Dù chúng ta không thể về nhà trong thực tại, nhưng chúng ta có thể trở về trong *Fantasia*” (no matter the clothes I wear or the food I eat or the language I speak, my heart will be unchanged. This is why we gather here tonight, ladies and gentlemen. Though we cannot be home in reality, we can return in *Fantasia*) [18; 236]. Những chương trình này là cách cộng đồng bảo tồn truyền thống dân tộc, và quan trọng hơn, thực tại hoá dĩ vãng của họ. Qua bài hát, vở kịch, điệu múa mang hình ảnh quê nhà, họ được nhắc nhở rằng quá khứ đó không mất đi, chỉ là chuyển từ vùng không gian này sang vùng không gian khác.

Thứ hai, căn tính dân tộc chủ nghĩa còn được nhà văn khai thác trong cộng đồng di dân Việt ở mức độ phức tạp hơn: khi gắn với cuộc chiến tranh đã qua, chủ nghĩa dân tộc đối với một nhóm người (chủ yếu là thế hệ 1) lại biến thành cực đoan, và hoài niệm khôi phục lúc này có mục đích và hành động cụ thể. Viet Thanh Nguyen miêu tả khía cạnh này với góc nhìn phê phán mạnh mẽ.

Hai nhân vật tiêu biểu nhất mang căn tính này là bà Hoa trong truyện ngắn *War Years* (Những năm chiến tranh) và ông Tướng trong tiểu thuyết *The Sympathizer*. Bà Hoa có chồng và hai con đi lính cho quân đội miền Nam, hai người mất tích và người con trai kể thì tử trận; công việc thường nhật của bà là may đồng phục lính cho những cựu binh mặc trong những dịp diễu hành tưởng niệm và họp mặt, và đi quyên góp quỹ cho cuộc chiến chống cộng sản [19; 51] quanh khu người Việt. Còn ông Tướng của *The Sympathizer* là một trong những nhân vật trung tâm, nổi tiếng và quyền lực nhất của cộng đồng người Việt tại Mỹ; vỡ mộng với người Mỹ và nước Mỹ, ông lập một đội quân gồm những cựu binh, huấn luyện họ ngay tại Los Angeles và đưa về căn cứ trong rừng ở Thái Lan để chuẩn bị cho một cuộc chiến khác vào Việt Nam. Lốp người như bà Hoa, ông Tướng không chấp nhận nỗi mất mát đã qua, cũng đồng nghĩa với việc họ không chấp nhận hiện thực đang sống; nước Mỹ đối với họ là một vùng đất vô vọng, trong khi giấc mơ tương lai của họ lại nằm ở việc lấy lại quá khứ. Một viên đại úy tham gia vào chiến dịch của ông Tướng nói rõ tâm trạng đó: “Chiến tranh có thể là địa ngục, nhưng anh biết gì không? Địa ngục còn tốt hơn cái nơi khốn kiếp này [tức nước Mỹ – N.H.A.]” (War may be hell, but you know what? Hell’s better than this shithole) [17; 221]. Nắm rõ tâm lí tuyệt vọng đó, một số ít người có tiếng nói trong cộng đồng di dân đã thổi bùng ý niệm về “sự thật và truyền thống” gắn với hoài niệm khôi phục, khi đó chủ nghĩa dân tộc cực đoan xuất hiện, bằng phản kháng chính trị. Đặc biệt với cộng đồng di dân Việt, nhà văn đã nhấn mạnh đến tính không thể chia tách của hoài niệm khôi phục và cuộc chiến tranh – một cuộc chiến đã qua nhưng không kết thúc, mà vẫn tiếp diễn nơi một bộ phận người, dù ở không-thời gian nào. Thế nên, dù kể chuyện về người Việt trên đất Mỹ thời hậu chiến, câu chuyện lại có tựa đề là “Những năm chiến tranh”; dù họ đã tái định cư, nhưng yên bình không đến: Người mẹ qua quan sát của cậu bé, người kể chuyện “tôi”, luôn lo nghĩ, bất an khi bị bà Hoa đe dọa vì không chịu đóng góp cho quỹ. Ngoài kia thì những kẻ tấn công khủng bố đánh bom toà soạn của tờ báo tiếng Việt ở Garden Drove khiến một biên tập viên tử nạn, còn một biên tập viên khác bị bắn chết cùng vợ mình ở Virginia, nguyên do vì: “Họ chỉ nói công khai những điều mà người ta hay nói riêng với nhau”, đó là “làm lành với những người Cộng sản” (They just said in public what a lot of people already say in private [...] Making peace with the Communists) [19; 55]. Trong *The Sympathizer*, ông Tướng cũng ra lệnh cho nhân vật “tôi” ngầm thanh toán viên Thiếu tá rượu chè (the crapulent major) vì nghi ông này là điệp viên cộng sản cài vào cộng đồng, đồng thời thủ tiêu Sonny, một nhà báo thiên tả viết bài đã kích tư tưởng chiến tranh của ông Tướng. Chiến tranh Việt Nam, qua miêu tả của nhà văn, vẫn tiếp diễn trong thời bình, ngay trong lòng nước Mỹ.

Thái độ của nhà văn được bộc lộ rất rõ: phê phán và giễu nhại tính hư huyền của hoài niệm khôi phục, cũng tức là lên án tư duy chiến tranh nơi những người Việt này. Sự phê phán được nhìn thấy qua phản ứng của người mẹ, bà chủ tiệm tạp hoá New Saigon, khi bà Hoa lại đến cửa tiệm đòi quyên góp: “Tôi không đưa cho bà xu nào đâu” - “Tôi cật lực kiếm tiền. Bà thì làm gì? Bà chả làm gì ngoài ăn cắp và tống tiền, làm cho người ta nghĩ là họ vẫn có thể chiến đấu cuộc chiến này” (I’m not giving you any money - I work hard for my money. What do you do? You’re nothing but a thief and an extortionist, making people think they can still fight this war) [19; 65]. Phê phán còn pha lẫn giễu nhại thể hiện trong hình dung của cậu bé, con của chủ tiệm New Saigon, về những cựu binh đang chuẩn bị cho cuộc chiến trong một khu rừng nào đó ở Thái Lan: “Tôi tưởng tượng họ là một đám đàn ông không cạo râu, bị muỗi đốt với mái tóc rối bù, mặc quân phục rằn ri rách tả tơi; sống nhờ nước mưa, heo rừng và đám rệp; luyện tập kĩ năng đánh giáp lá cà bằng cách đâm lưỡi lê vào trái mít” (I imagined them to be unshaven, mosquito-bitten men with matted hair wearing ragged tiger-stripe fatigues; living on rainwater, wild boar, and aphids; practicing hand-to-hand combat skills by bayoneting jackfruit) [19; 52-53]. Còn trong *The Sympathizer*, tác giả cho thấy luôn kết cục thất bại hoàn toàn của cuộc chiến do ông Tướng khởi sự, sau cuộc hành quân trong rừng và một cuộc đấu súng ngắn ngủi ở sát biên giới với quân đội Việt Nam. Với một số người, “chiến tranh đã kết thúc” (The war’s over) [19; 53] – như lời bà chủ tiệm New Saigon – nhưng với một số người khác, chiến tranh chưa bao giờ đi qua. Và giống như

“tôi” khi ăn món phở liền hiện về kí ức đẹp đẽ hơn thực tế do kí ức đã được lọc qua lăng kính nỗi nhớ, những người mang tinh thần cực đoan cũng chỉ nhớ về quá khứ huy hoàng đã mất (mà không muốn thừa nhận rằng ngay cả quá khứ đó cũng lắm phần bội và chết chóc). Vì vậy, hoài niệm khôi phục, trong trường hợp này, tuy mang danh của “sự thật và truyền thống” nhưng thực ra là phản lịch sử, không chấp nhận cái đã qua. Họ biến hoài niệm ấy thành “huyền thoại” tập thể để tạo thành căn tính cộng đồng mang tinh thần dân tộc chủ nghĩa cực đoan.

Biểu hiện thứ ba của hoài niệm khôi phục gắn với căn tính dân tộc có thể tìm thấy trong truyện ngắn *Tổ quốc* của tập *Người tị nạn*. Đúng hơn, truyện cho thấy thái độ phản kháng hoài niệm khôi phục, từ đó nêu bật xung đột giữa thế hệ 1 và thế hệ 2. Đó là câu chuyện của hai chị em trùng tên Phương, cùng cha khác mẹ: Phương chị (hay Vivien – tên Mỹ) là con của người vợ trước đã vượt biên sang Mỹ, Phương em là con của người vợ sau ở Việt Nam. Bi kịch của người cha đổ bóng xuống thế hệ sau báo hiệu từ cách ông lấy tên các con dòng trước để đặt tên cho các con dòng sau, thể hiện một nỗi tiếc nuối và muốn sống lại quá khứ của mình. Sau 27 năm xa cách, Vivien lần đầu về Việt Nam. Người cha bắt tay vào khôi phục kí ức của Vivien: ông dắt cô đi tham quan những nơi “giống Sài Gòn hồi xưa” [20; 192], kể những chuyện đã qua “sau khi người Mỹ bỏ chúng ta” [20; 193], hay đưa cô đến địa đạo Củ Chi... Bằng cách đó, một lịch sử dân tộc được tạo dựng và có thể khiến Vivien trở lại là Phương – đưa con gái nhỏ ông đã đánh mất trong quá khứ. Nhưng trái với hình dung của người cha, trong Vivien không gợn lên một kí ức nào. Còn tình cảm với cha mình, cô bộc lộ cùng em gái: “Em có thương được người nào mà em không nhớ không?” [20; 201]. Trái ngược với cô chị trống rỗng kí ức, Phương đã phải sống với kí ức mất mát của cha khi ông đặt tên cô theo tên người con gái đầu. Ám ảnh quá khứ của cha trở thành ám ảnh của Phương, nên cô muốn được trở thành Vivien: “Em muốn được giống như chị” - “Em muốn tới Mỹ” [20; 205]. Nhưng khi bí mật của Vivien được tiết lộ – rằng Vivien không thương cha, cũng chẳng nhớ quê hương, mà cô chỉ đang diễn một màn kịch phụ tử dăm thắm dù thật lòng vô cảm, vì thế cô sẽ không bao giờ trở về Việt Nam nữa – thì Phương vỡ mộng.

Nhan đề truyện ngắn *Tổ quốc* hướng về một cộng đồng dân tộc chung nhất, nhưng câu chuyện lại cho thấy điều ngược lại khi những nhân vật người Việt và gốc Việt thuộc thế hệ 2 không tìm thấy mình trong kí ức, lịch sử cha ông, tức tách rời mình khỏi căn tính dân tộc. Kí ức nơi thế hệ sau trở thành giả hiệu (như với Vivien) hoặc gánh nặng (như với Phương) và càng khiến họ muốn thoát ra và huỷ bỏ nó. Nó đặt ra câu hỏi: nếu căn tính dân tộc được xây dựng dựa trên hoài niệm khôi phục – một quá khứ của thế hệ trước ám thị vào hiện tại và tương lai của thế hệ sau (như cách Phương phải mang lấy tên của Vivien), thì liệu có sự đổ vỡ nào sẽ diễn ra giữa căn tính và tính dân tộc, nơi thế hệ 2 không? Một vấn đề lớn, tuy nhiên, được khơi lên mà chưa được giải quyết, vì có lẽ dòng chảy vẫn đang trôi, thế hệ này vẫn tiếp tục lớn lên và chưa thể xác quyết về một cách nhìn lịch sử rõ ràng. Như nỗi băn khoăn của Laure, con gái Văn, trong tiểu thuyết *Sóng ngầm* của Linda Lê đặt ra sau khi cha cô mất: “Bản thân ta, ta là ai? Một đứa lai Âu-Á như Ulma ư? Hay là người Pháp chính tông, mặc dù mắt xéch? [...] Cội rễ ta ở đâu?” [21; 231].

## **2.2. Hoài niệm phản chiếu: căn tính chấn thương**

Đối nghịch với hoài niệm khôi phục, “hoài niệm phản chiếu lại phát triển mạnh trong *álgos*, chính nỗi khao khát, và trì hoãn việc trở về nhà” [16; xviii]. Nghĩa là, hoài niệm phản chiếu là một mâu thuẫn nội tâm của chủ thể giữa khao khát thuộc về “nhà” nhưng đồng thời biết rằng không thể, hay rất khó, để trở về. Nếu hoài niệm khôi phục thông qua biểu tượng mang tính dân tộc để tái tạo lại quê hương thì hoài niệm phản chiếu gắn với những chấn thương xuất phát từ cá nhân đơn lẻ, mà Boym gọi là “những mảnh kí ức vỡ vụn” [16; 49]. Từ những mảnh kí ức đó tập hợp thành kí ức chung của cộng đồng. Và vì phải đối mặt với chấn thương quá khứ, họ ngần ngại, trì hoãn việc trở về, hay nhớ về.

Theo David Becker: “chấn thương như một hiện thực xã hội mà cuối cùng cốt lõi là kiến tạo căn tính” [22; 566], vì hoàn cảnh xã hội bị thương có thể phá huỷ tâm lí, niềm tin, hi vọng hoặc

thậm chí một phần thân thể – những thuộc tính làm nên căn tính của một người – và thiết lập những hệ giá trị mới, tâm lí và tinh thần mới, qua cách nhìn mới về cuộc đời và chính mình và qua cách người khác nhìn mình trong hoàn cảnh mới. Sự chuyển biến, thường là xung đột, giữa hoàn cảnh trước và sau chấn thương, tạo ra mâu thuẫn trong căn tính của chủ thể: họ chịu mất mát và bạo lực rồi chính họ bạo lực với mình và người thân, họ trải qua tuyệt vọng và gần kề cái chết nhưng họ là những người sống sót, hoặc tuổi họ còn quá nhỏ để chịu đựng hoàn cảnh khắc nghiệt nhưng họ buộc phải trở thành người lớn để vượt qua nghịch cảnh, v.v. Ở trong sự chông chênh đó, việc xác định mình là ai trở nên cấp thiết hơn với những người này, như Becker nói: “... phải thừa nhận rằng tất cả mọi người lớn lên trong những hoàn cảnh này đều có mong muốn mãnh liệt, cháy bỏng và chính đáng là phát triển căn tính, trở thành một ai đó, để chứng tỏ rằng họ còn sống, rằng họ không biến mất hoặc bị hủy diệt hoàn toàn vì chấn thương của mình” [22; 582]. Như vậy, chấn thương là căn tính của các cộng đồng di dân nói chung, nhất là những cộng đồng phải lìa xa quê hương vì hoàn cảnh bắt buộc, thể hiện qua hoài niệm phản chiếu của họ. Với cộng đồng di dân Mỹ gốc Việt, căn tính chấn thương đến từ sự kiện trung tâm là chiến tranh và tị nạn, trong đó “thuyền nhân” (boat people) là thuật ngữ chỉ xuất hiện từ sau chiến tranh Việt Nam và gắn với những người rời quê hương bằng những con thuyền dễ tổn thương trên biển cả. Người tị nạn, do đó, trở thành một kiểu nhân vật phổ biến trong văn học di dân Mỹ gốc Việt, được khắc họa trên không gian biển, trong các trại tị nạn, hay trên đất Mỹ.

Truyện ngắn *Những người đàn bà mắt đen* trong tập *Người tị nạn* kể chuyện một gia đình tị nạn điển hình: cuộc vượt biên bằng thuyền của hai vợ chồng và hai đứa con, mười lăm và mười ba tuổi, để lại hậu quả thảm khốc là đứa con gái bị hãm hiếp bởi cướp biển, đứa con trai chết vì bảo vệ em gái mình; hai mươi lăm năm sau, người cha đã qua đời, người mẹ làm việc ở một tiệm nail, cô con gái làm nghề viết thuê. Một đêm nọ, bà mẹ nhìn thấy hồn ma người con trai trở về; sau đó, hồn ma lại đôi lần hiện về với cô em gái. Câu chuyện này mang tính điển hình vì nó nói về bi kịch và chấn thương của người tị nạn: chứng kiến sự mất mát người thân (do chết hay bị bỏ lại) và nỗi dằn vặt của những người còn sống. Câu văn sau đây nằm ở chương mở đầu của *The Committed* đã khái quát bi kịch đó: “Như hầu hết những người tị nạn, chúng tôi hầu như không có món đồ nào, dù trong túi chứa đầy giấc mơ và mộng mi, chấn thương và đau đớn, nỗi buồn và mất mát, và tất nhiên, cả những bóng ma. Vì ma thì nhẹ tênh, nên chúng tôi có thể mang họ theo hàng hà sa số” (Like most refugees we barely had any material belongings, even if our bags were packed with dreams and fantasies, trauma and pain, sorrow and loss, and, of course, ghosts. Since ghosts were weightless, we could carry an infinite number of them) [18; 5].

Hồn ma là một cách nói, thực ra những người chết này họ trở về như những thực thể sống, như người anh trong câu chuyện trên: không chỉ được nhìn thấy, nói chuyện cùng, mà trên người còn ướt sũng và nhỏ nước do phải “boi nguyên quãng đường” vượt Thái Bình Dương [20; 26] (vì anh chết trên biển), hồn ma ấy lại còn lau người và thay đồ do cô em gái đưa cho. Điều duy nhất khác thường là anh vẫn mười lăm tuổi, như cái hồi anh chết, vì “người ta lúc nào cũng y như lúc mình thấy lần cuối” [20; 21]. Lời giải thích này của người mẹ cho thấy hai ý nghĩa quan trọng về mối tương quan giữa người chết và người sống: một là, hồn ma là kí ức của người sống, nhưng kí ức không có nghĩa là quá khứ, vì khả năng quay trở lại thực tại; hai là, hồn ma là sự phản chiếu chính người sống – như suy nghĩ của người em: “Có lẽ lần hiện hồn này là hệ quả đầu tiên của thứ mà má tôi coi là bản chất không tự nhiên của tôi, độc thân và không con cái. Có lẽ anh không phải là sản phẩm từ trí tưởng tượng của tôi mà là một triệu chứng của điều gì sai hỏng” [20; 25]. Cái “sai hỏng” đó là chấn thương từ vụ cưỡng hiếp và cái chết của người anh mà cô không thể quên đi nhưng cũng không thể đối mặt. Hồn ma, vì thế, trong các câu chuyện tị nạn, là một biểu tượng của hoài niệm phản chiếu kí ức của người sống, nhưng đồng thời cũng phản chiếu thực tại đầy chấn thương của họ. Cần nói thêm, kí ức chấn thương tác động đến hiện tại là mô hình không chỉ thấy trong sáng tác của Viet Thanh Nguyen hay văn học di dân Mỹ gốc Việt, mà cũng thấy ở tiểu thuyết *Sóng ngầm* của Linda Le (Pháp gốc Việt) với nhân vật chính tên Văn chổi bỏ căn tính Việt Nam của mình do không thể đối mặt với chấn thương về cái chết của người mẹ mà mình đã

bỏ lại quê nhà; hay chấn thương cả một lớp người đọng lại trên gương mặt “không còn biết ngạc nhiên” [23; 371] của một đứa bé thuyền nhân mới sáu tuổi trong truyện ngắn *Con thuyền* của Nam Lê (Úc gốc Việt). Điều đó cho thấy, sáng tác của Viet Thanh Nguyen đã nhập vào dòng chảy chung của văn học di dân gốc Việt trên khắp thế giới.

Không dừng lại ở hồn ma người chết, nhà văn còn sáng tạo ra kiểu hình tượng khác: hồn ma của người sống, đậm tô hơn vấn đề chấn thương. Trong nỗi dẫn vật, người em hỏi hồn ma anh mình: “Tại sao em sống còn anh chết?” - “Mày cũng chết rồi”, anh nói, “Có điều mày không biết thôi” [20; 34]. Người em đã “chết” từ cái lúc cô bị cưỡng hiếp, biểu hiện qua sự im lặng triền miên suốt mấy chục năm giữa cô với gia đình, giữa cô với chính mình: “Thế giới bị khoá miệng, theo kiểu nó sẽ bị bịt mãi sau đó với má tôi, ba tôi và tôi” [20; 33]. Một người sống có lẽ không khác gì một người chết nếu lấy sự câm lặng làm tiêu chí. Người em và cả người mẹ cũng là hồn ma còn vì thời gian và không gian đã dừng lại với họ, thậm chí, họ còn tệ hơn cả hồn ma: “Người chết đi tiếp. Nhưng người sống, chúng ta chỉ ở đây” [20; 27]. Họ bị mắc kẹt vào quá khứ, như cách nhân vật Bon (trong *The Sympathizer*) bị mắc kẹt ở khoảnh khắc chứng kiến vợ và con anh chết do bị trúng đạn tại phi trường ngay trước khi lên máy bay. Dẫn đến suốt diễn biến truyện tiếp theo, Bon tồn tại như một xác sống: “Tôi đang chết vì điều gì? Tôi đang chết vì thế giới nơi tôi đang sống không xứng đáng để vì nó mà chết! Nếu có gì đó đáng để vì nó mà chết thì ta mới có lí do để sống” (What am I dying for? I’m dying because this world I’m living in isn’t worth dying for! If something is worth dying for, then you’ve got a reason to live) [17; 224].

Bức ảnh là một biểu tượng khác của hoài niệm phản chiếu, và cũng gắn với người chết. Trong chuyên khảo *Nothing Ever Dies: Vietnam and the Memory of War* (Không gì chết đi bao giờ: Việt Nam và kí ức chiến tranh), Viet Thanh Nguyen luận giải ý nghĩa của bức ảnh đối với người tị nạn: “Mỗi hộ gia đình đều có những bức ảnh này, những dấu hiệu linh thiêng về quá khứ bị ám ảnh của chúng ta, tượng trưng cho một thời đã mất, một nơi đã mất, và trong nhiều trường hợp là của những người đã mất [...] Những bức ảnh là dấu ấn trần tục của những hồn ma, là dấu hiệu dễ thấy nhất cho ánh hào quang của họ, cách gần nhất mà nhiều người trong thế giới tị nạn sống với những người bị bỏ lại” [24; 193-194]. Trong *The Sympathizer* có một chi tiết cảm động gắn với bức ảnh người mẹ của nhân vật “tôi”: Nhân vật chính “tôi” theo chân đoàn phim Hollywood đến Philippines chuẩn bị làm bộ phim về chiến tranh Việt Nam. Ngôi làng giả được dựng lên, có cả khu nghĩa trang giả với những tên tuổi ghi trên bia mộ được sao chép từ danh bạ Los Angeles. Duy chỉ có một bức ảnh và tên tuổi của một người chết thật được dán lên ngôi mộ giả, là người mẹ của “tôi”. Hành động này của “tôi” một phần xuất phát từ nỗi day dứt không thể ở bên cạnh khi mẹ qua đời và tự tay chôn cất mẹ do anh đang du học ở Mỹ; một phần khác muốn bù đắp cho mẹ, dù chỉ là tượng tượng, khi anh chọn ngôi mộ (giả) to nhất để cảm thấy như mẹ cuối cùng đã có được một nơi an nghỉ xứng đáng [17; 154].

Colin Davis trong công trình sâu sắc về hồn ma *Haunted Subjects: Deconstruction, Psychoanalysis and the Return of the Dead* (Những chủ đề bị ma ám: Giải cấu trúc, phân tâm học và sự trở lại của người chết) đã lí giải nguyên nhân chấn thương của người sống gắn với người chết, là vì người chết khi rời khỏi thế giới này cũng mang theo điều gì đó mà người sống không bao giờ có thể có lại được [25; 135]. Việc người chết trở lại càng nhắc nhở sự thiếu khuyết đó của người sống. “Nếu người chết chưa hẳn đã chết, có lẽ người sống cũng chưa hẳn đang sống” [25; 157]. Vì vậy, để thôi bị ám ảnh, xu hướng chung là “chôn cất người chết lần thứ hai”, do cái chết đầu tiên chỉ là chết về thể xác, cái chết thứ hai mới là nghỉ yên thật sự. Colin Davis đưa ví dụ về những câu chuyện ma được kể, thường kết thúc bằng cái chết thứ hai của những con ma, như hồn ma cha Hamlet (Shakespeare) phải được báo thù thì mới có thể yên nghỉ, hay hồn ma của nhân vật Sam Wheat trong bộ phim kinh điển *Ghost* (1990) chỉ được giải thoát khi kẻ sát nhân được tìm thấy và bị trừng phạt [25; 155]. Đặt trong bối cảnh của người tị nạn, Viet Thanh Nguyen chống lại điều này. Nhà văn cho rằng: “Vấn đề về chiến tranh và kí ức đầu tiên và trên hết là về cách nhớ đến người chết, là những người không thể tự nói cho bản thân” [24; 4]. Nếu ta quên



người chết, tức là xoá bỏ cả kí ức về chiến tranh và chấn thương, cũng tức là xoá bỏ căn tính di dân/ tị nạn. Vấn đề là, vì sao nhà văn không muốn xoá bỏ nó?

Không xoá bỏ, ngược lại, lại ghi thành những câu chuyện. Sau khi hồn ma người anh đã biến mất hẳn (*Những người đàn bà mắt đen*), người em gái quyết định không làm công việc viết thuê nữa, mà bắt đầu viết tự truyện, và tự truyện của cô là về ma. Một lần nữa, điều này nhấn mạnh, bản thân cô là một hồn ma sống nên cô xác định tự truyện của mình là truyện ma. Và quan trọng hơn, viết là cách thức bảo tồn kí ức về hồn ma lâu dài nhất. Khi những câu chuyện ma còn được kể và được đọc, thì người ta sẽ còn nhớ đến cuộc chiến này, nhớ đến những người tị nạn mang đầy chấn thương này, nó khác hoàn toàn với “giấc mơ Mỹ” mà nước Mỹ vẽ ra với những di dân: những người thành công bỏ quá khứ lại sau lưng và hoà nhập tốt vào xã hội Mỹ. Đó là cách nước Mỹ “chôn người chết lần thứ hai”, để xoá đi hệ quả của cuộc chiến tranh do mình gây ra. Một cảnh đầy ẩn dụ về sự “xoá bỏ” đó xuất hiện trong *The Sympathizer*, khi ngôi mộ dấn ảnh người mẹ cùng khu nghĩa trang giả trên phim trường bị thổi bay do bom nổ vì đạo diễn đột nhiên muốn có cảnh phá huỷ này trong phim: “Đó chỉ là một khu nghĩa trang giả với ngôi mộ giả của mẹ tôi, nhưng việc xoá sổ sự sáng tạo này, theo cách bừa bãi và tùy tiện, khiến tôi tổn thương trầm trọng đến không ngờ” (It was only a fake cemetery with its fake tomb for my mother, but the eradication of this creation, in its wantonness and its whimsy, hurt me with unexpected severity) [17; 180]. Tuy là cảnh giả, nhưng dùng bom thật (khiến “tôi” suýt chết do bom nổ trước nửa giờ), và cách “tôi” nhớ về người mẹ qua ngôi mộ tự làm, lẫn sự đau đớn khi nó sắp bị phá huỷ bởi ý tưởng của vị đạo diễn người Mỹ, khiến chi tiết đó mang nhiều tính dụ ngôn cho cách nước Mỹ xử lí cuộc chiến tranh Việt Nam trong thực tế. Tựa đề của tập truyện ngắn *Người tị nạn*, cùng những câu chuyện phân tích ở trên, là lời đáp trả của nhà văn với nước Mỹ, rằng cộng đồng di dân gốc Việt có căn tính riêng, không phải là căn tính áp đặt từ diễn ngôn chiến tranh của nước Mỹ; và qua việc kể lại kí ức về người chết, họ tự cất lên tiếng nói của mình. Như Yên Lê Espiritu – nhà nghiên cứu người Mỹ gốc Việt nổi tiếng – từng tuyên bố: “chúng ta [những nhà văn Mỹ gốc Việt – N.H.A] phải sẵn sàng trở thành những người kể chuyện ma” [26; xix].

Ngoài ra, “viết” cũng là phương thức chữa lành chấn thương của lớp người tị nạn. Nhờ trở thành nhà văn “viết về ma” mà người em gái trong *Những người đàn bà mắt đen* cuối cùng đã có thể “nói hết những điều con muốn nói” [20; 37]. Còn hai tiểu thuyết *The Sympathizer* và *The Committed* cuối cùng lại được tiết lộ là bản tự thú (confession) do “tôi” viết ra, không chỉ để kể lại sự kiện quá khứ, mà để làm mới lại cái tôi của mình, nhận diện ra một cái tôi khác ngoài “tôi”, là “chúng tôi” – một “tôi” đang viết và một “tôi” trên trang viết – đồng cảm lẫn nhau, khoan dung đối với các quan điểm, tư tưởng khác biệt ngay trong chính mình. Phương thức chữa lành bằng sự viết này không phải là sáng tạo riêng của Viet Thanh Nguyen, mà dường như là công thức chung của những nhà văn di dân, như thể họ đang nói về hiệu quả và lí do cho lựa chọn trở thành nhà văn của mình. Như nhân vật chính trong *Gã du đang chúng ta đang lùng kiếm* của Le Thi Diem Thuy, cô bé “thuyền nhân” năm xưa vẫn sống với cái bóng của người anh đã chết tại quê nhà từ nhỏ đến lớn, đã chọn rời khỏi gia đình và theo nghiệp viết [27; 159]. Hay “tôi” trong truyện ngắn *Tình yêu và danh dự và thương hại và kiêu hãnh và cảm thông và hy sinh* (từ tập truyện *Con thuyền*) của Nam Lê chọn viết về quá khứ của cha mình cho bài tập cuối kì của một khoá tập huấn nhà văn trẻ, và nhờ đó mà người con đã thấu hiểu phần nào “thế giới vỡ tan” của cha [23; 46] – người tị nạn thế hệ thứ nhất. Viết, do đó, ngoài việc bảo tồn kí ức, nhớ về người đã khuất, còn là hành động đối mặt với chấn thương, không lẫn tránh hay cố tình bôi xoá. Chỉ khi nào có can đảm nhìn trực diện nỗi đau, thì khi đó quá trình chữa lành mới khởi sự.

### 3. Kết luận

Yên Lê Espiritu cho rằng di dân phải được nhìn vừa như một cộng đồng bên trong, thuộc về quốc gia sở tại, vừa như một cộng đồng bên ngoài, tức “kẻ khác” (other) với cộng đồng ưu thế (bản địa); vì nếu chỉ nhìn thấy về thứ nhất thì không giải quyết được những mâu thuẫn sắc tộc,

nếu chỉ nhìn thấy về thứ hai thì dễ biến mình thành nạn nhân đúng theo diễn ngôn quyền lực của nhóm ưu thế [28; 426]. Viet Thanh Nguyen là một trong những nhà văn đương đại người Mỹ gốc Việt thể hiện được cái nhìn bao quát từ cả hai hướng, đặc biệt trong việc nhận diện căn tính cộng đồng di dân qua tác phẩm của mình. Điều đó cũng có nghĩa là, nhà văn đã không chọn kể những câu chuyện lạnh tính, được lòng cộng đồng mình, mà đi vào những vấn đề gai góc như: mâu thuẫn giữa các thành viên trong cộng đồng về ý thức chính trị - tư tưởng, xung đột và chấn thương bên trong tinh thần mỗi người di dân. Chính vì khai thác những cuộc “va chạm” này, căn tính cộng đồng mới được bộc lộ rõ. Do phạm vi bài viết, chúng tôi chỉ đi sâu phân tích một phương diện hình thành căn tính là “hoài niệm”. Qua “hoài niệm khôi phục” và “hoài niệm phản chiếu”, nhà văn vừa cho thấy sự đa dạng của căn tính cộng đồng di dân, tránh cái nhìn đơn giản, một chiều của nước sở tại thường nhìn về nhóm di dân, thiếu sót, vừa chỉ rõ những vấn nạn tồn tại trong hình dung về cộng đồng mình, để cảnh tỉnh và hướng về một thay đổi tích cực hơn trong tương lai.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Judy TW., (2018). Remembering One Another's Inhumanity: On Viet Thanh Nguyen's Vietnam War. *Journal of American Studies*, Vol. 52, No. 1, pp. 237-239. doi: 10.1017/S0021875817001438
- [2] Caroline R., (2018). Between “I” and “We”: Viet Thanh Nguyen's Interethnic Multitudes. *Publications of the Modern Language Association of America*, Vol. 133, No. 2, pp. 396-405. doi: 10.1632/pmla.2018.133.2.396
- [3] Yogita G., (2018). Un-American: Refugees and the Vietnam War. *Publications of the Modern Language Association of America*, Vol. 133, No. 2, pp. 378-383. doi: 10.1632/pmla.2018.133.2.378
- [4] Debra S., (2020). Chapter 10: Paternity, History, and Misrepresentation in Viet Thanh Nguyen's *The Sympathizer*. In R. Maxey (Ed.), *21st Century US Historical Fiction: Contemporary Responses to the Past*. Palgrave Macmillan, pp. 117-189. doi: 10.1007/978-3-030-41897-7
- [5] Roy S., (2021). No-NoMan: Viet Thanh Nguyen's Nihilist Masterpiece. *The Yale Review*, Vol. 109, No. 2, pp. 178-186. doi: 10.1353/tyr.2021.0045
- [6] Sousa e Silva Gaspar, (2018). *De-Americanizing Viet Nam: The Representation of the “Vietnam War” in Viet Thanh Nguyen's The Sympathizer*. Universidade da Coruña. <http://hdl.handle.net/2183/21816>
- [7] Maurice H., (1980). *The Collective Memory* (Francis J. Ditter, Jr. and Vida Yazdi Ditter trans.). Harper & Row.
- [8] Roby F. & Matthew G., (2017). Memory and Social Identity. In S. Bernecker & K. Michaelian (Eds.), *The Routledge Handbook of Philosophy of Memory*. Routledge, pp. 268-280.
- [9] Sean JB., (2019). Nguyen's Ghosts in *The Sympathizer*: Collapsing Binaries and Signalling Just Memory. *Scrutiny2*, Vol. 24, No. 1, pp. 3-12. doi: 10.1080/18125441.2019.1650818
- [10] Kala S J. & Bernita M A., (2019). A Sanctuary of Memory in Viet Thanh Nguyen's “Black-Eyed Women”. *International Journal of English Literature and Social Sciences (IJELS)*, Vol. 4, No. 6, pp. 2023-2029. doi: 10.22161/ijels.46.62
- [11] VT Nguyen, (2012). Refugee Memories and Asian American Critique. *Positions: East Asia Cultures Critique*, Vol. 20, No. 3, pp. 911-942.
- [12] Erik H E., (1963). *Childhood and Society*. Norton.
- [13] Peter JB. & Jan ES., (2009). *Identity Theory*. Oxford University Press.
- [14] Michael B., (2009). Identity and Narration. In P. Hühn, J. Pier, W. Schmid & J. Schönert (Eds.), *Handbook of Narratology*. Walter de Gruyter GmbH & Co KG, pp. 132-143.

- [15] Snow & Corrigan B., (2015). Collective Identity. In James D. Wright (editor-in-chief), *International Encyclopedia of the Social & Behavioral Sciences*, Vol. 4. Elsevier, pp. 174–180. doi: 10.1016/B978-0-08-097086-8.10403-9.
- [16] Svetlana B., (2001). *The Future of Nostalgia*. Basic Books.
- [17] VT Nguyen, (2015). *The Sympathizer*. Grove Press.
- [18] VT Nguyen, (2021). *The Committed*. Grove Press.
- [19] VT Nguyen, (2017). *The Refugees*. Corsair.
- [20] VT Nguyen, (2017). *Người tị nạn* (Phạm Viêm Phương dịch). Nxb Hội Nhà văn.
- [21] Linda Lê, (2018). *Sóng ngầm* (Hồ Thanh Vân và Bùi Thu Thủy dịch). Nxb Hội Nhà văn.
- [22] David B., (2021). Political Psychology: Identity Development in a Traumatic Environment. In M. Bamberg, C. Demuth, & M. Watzlawik (Eds.), *The Cambridge Handbook of Identity*. Cambridge University Press, pp. 564-585. doi: 10.1017/9781108755146.029
- [23] N Lê, (2011). *Con thuyền* (Thiên Nga và Thuận Thực dịch). Hà Nội: Nxb Hội Nhà văn.
- [24] Viet Thanh Nguyen, (2016). *Nothing Ever Dies: Vietnam and the Memory of War*. Harvard University Press.
- [25] Colin D., (2007). *Haunted Subjects: Deconstruction, Psychoanalysis and the Return of the Dead*. Springer.
- [26] Yên Lê E., (2005). Thirty Years AfterWARD: The Endings That are not Over. *Amerasia Journal*, Vol. 31, No. 2, pp. xiii-xxiv.
- [27] LTD Thuy, (2023). *Gã du đặng chúng ta đặng lòng kiếm*. Nxb Thế giới.
- [28] Yên Lê E, (2006). Toward a Critical Refugee Study: The Vietnamese Refugee Subject in US Scholarship. *Journal of Vietnamese Studies*, Vol. 1, No. 1-2, pp. 410-433.